

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 103/2017/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

SỞ TƯ PHÁP KIÊN GIANG	
SỐ: 24/35	ĐẾN
Ngày: 7/8/2017	Chuyên:
Lưu hồ sơ số:	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 99/BC-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp và hoàn thiện hệ thống pháp luật của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 2. Nội dung chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Căn cứ tính chất, mức độ phức tạp của mỗi hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cho cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ thực hiện chi theo những nội dung sau:

1. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan phục vụ quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản, lập đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản;

2. Dịch, hiệu đính tài liệu, văn bản tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt và ngược lại;

3. Tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật;

4. Đánh giá tác động của chính sách, đánh giá tác động của văn bản;

5. Tổ chức Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm tra; lấy ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia (trong trường hợp cần thiết);

6. Xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, văn bản góp ý;

7. Chinh lý, hoàn thiện các loại đề cương, báo cáo, dự thảo văn bản.

8. Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 3. Định mức chi cho các nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Mức chi hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo biểu mức chi cho công tác xây dựng văn bản pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và hoàn thiện hệ thống pháp luật ban hành kèm theo nghị quyết này.

2. Ngoài việc thực hiện theo mức chi những nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này, mức chi cho những nội dung khác được thực hiện và áp dụng theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, gồm:

a) Đối với các khoản chi công tác phí cán bộ đi công tác trong nước, chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết thực hiện theo quy

định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

b) Đối với các khoản chi cho việc tổ chức các đoàn đi khảo sát ở nước ngoài thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đài thọ;

c) Đối với việc tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát, điều tra xã hội học được thực hiện theo quy định hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn ngân sách nhà nước;

d) Đối với các khoản chi lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa phục vụ cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập tin điện tử thuộc công nghệ thông tin và các quy định hiện hành về công nghệ thông tin, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu;

đ) Chi rà soát, hệ thống hóa văn bản phục vụ trực tiếp công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn về quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

e) Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 4. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân.

ĐVT: Đồng/văn bản

Loại văn bản	Cấp ban hành văn bản	Định mức phân bổ
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành mới hoặc thay thế	Cấp tỉnh	10.000.000
	Cấp huyện	8.000.000
	Cấp xã	6.000.000
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân sửa đổi, bổ sung	Cấp tỉnh	8.000.000
	Cấp huyện	6.400.000
	Cấp xã	4.800.000

2. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại Khoản 1 Điều này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường

xuân đã được giao để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp; cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại nghị quyết này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

4. Các nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa IX, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2017.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lãnh đạo VP, các phòng và chuyên viên;
- Lưu: VT, PTH.

CHỦ TỊCH



Đặng Tuyết Em

**BIỂU MỨC CHI CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN VÀ HOÀN THIỆN HỆ
THỐNG PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND
ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân				
a	Văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/đề cương	950.000	750.000	600.000
b	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/đề cương	650.000	500.000	400.000
2	Soạn thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân				
a	Văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/dự thảo văn bản	3.200.000	2.500.000	2.000.000
b	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/dự thảo văn bản	2.700.000	2.100.000	1.700.000
3	Soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện văn bản				
a	Báo cáo tổng hợp ý kiến đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/báo cáo	250.000	200.000	160.000
b	Báo cáo tổng hợp ý kiến đối với văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/báo cáo	150.000	120.000	90.000
c	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/báo cáo	350.000	280.000	220.000
d	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý	Đồng/báo cáo	250.000	200.000	160.000

	kiến góp ý đối với văn bản sửa đổi, bổ sung				
đ	Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, ủy viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo				
-	Đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/báo cáo	350.000	280.000	220.000
-	Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/báo cáo	200.000	160.000	120.000
e	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách hoặc báo cáo đánh giá tác động của văn bản	Đồng/báo cáo	6.000.000	4.800.000	3.800.000
g	Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp	Đồng/báo cáo	3.400.000	0	0
h	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp	Đồng/báo cáo	1.700.000	1.350.000	0
i	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã; các phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp	Đồng/báo cáo	0	900.000	700.000
k	Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật theo chuyên đề	Đồng/báo cáo	3.400.000	2.700.000	2.100.000
l	Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật đột xuất	Đồng/báo cáo	2.000.000	1.600.000	1.200.000

4	Soạn thảo văn bản góp ý, báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản				
a	Văn bản góp ý	Đồng/văn bản	250.000	200.000	160.000
b	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra	Đồng/báo cáo	500.000	400.000	320.000
5	Chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản	Đồng/lần chỉnh lý	200.000	160.000	120.000
6	Cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật;				
a	Người chủ trì	Đồng/người/cuộc họp	150.000	120.000	90.000
b	Các thành viên tham dự	Đồng/người/cuộc họp	100.000	80.000	60.000
c	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	Đồng/văn bản	200.000	160.000	120.000
7	Lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập (nếu có): Trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập.	Đồng/báo cáo	1.000.000	800.000	600.000
8	Thuê dịch và hiệu đính tài liệu				
a	Dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	Đồng/trang (350 từ)	120.000	120.000	120.000
b	Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang	Đồng/trang	150.000	150.000	150.000

	tiếng nước ngoài	(350 từ)			
c	Dịch tài liệu từ tiếng việt sang tiếng dân tộc thiểu số	Đồng/trang (350 từ)	100.000	100.000	100.000
d	Hiệu đính tài liệu dịch	Đồng/trang (350 từ)	40.000	40.000	40.000
đ	Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông mức chi biên dịch được phép tăng so với mức chi biên dịch nêu trên	Đồng/trang (350 từ)	Tăng tối đa 30%	Tăng tối đa 30%	Tăng tối đa 30%